

Số: /PGDDĐT-GDMN
V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ
năm học 2023-2024 đối với
giáo dục mầm non

Cư Jút, ngày 13 tháng 9 năm 2023

Kính gửi:

- Các trường MN, MG trong huyện;
- Các nhóm trẻ, lớp MN độc lập tư thực.

Căn cứ Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Thực hiện Kế hoạch số 1556/SGD&ĐT-GDMN ngày 24/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non; Phòng GD&ĐT hướng dẫn các trường MN, MG, các nhóm trẻ, lớp MN độc lập tư thực triển khai nhiệm vụ năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non (GDMN) như sau:

I. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về GDMN; chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị nhà trường theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt, năng lực tự chủ, thực hiện tốt dân chủ cơ sở; tăng cường quản lý, hỗ trợ nâng cao chất lượng GDMN ở nhóm trẻ, lớp mầm non độc lập tư thực. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyên đổi số trong công tác quản lý và nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

2. Củng cố, phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non gắn với công tác rà soát sắp xếp, quy hoạch; tăng cường các giải pháp huy động trẻ nhà trẻ và mẫu giáo dưới 5 tuổi đến trường, lớp mầm non; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi (PCGDMNTNT).

3. Đẩy mạnh phát triển chương trình GDMN phù hợp với điều kiện của địa phương, của cơ sở GDMN, khả năng và nhu cầu của trẻ. Tiếp tục thực hiện các Chuyên đề, Chương trình đề đổi mới, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bảo đảm an toàn tuyệt đối về thể chất lẫn tinh thần cho trẻ em.

4. Đảm bảo các điều kiện thực hiện Chương trình GDMN: Bố trí bảo đảm tối thiểu 02 giáo viên/nhóm, lớp; nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên mầm non (GVMMN), bảo đảm đạt chuẩn về trình độ đào tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, tài liệu, học liệu mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN.

5. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng phong cách Hồ Chí Minh, phát động phong trào thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm 20 năm tái thành lập tỉnh Đắk Nông (01/01/2004-01/01/2024). Thực hiện Chủ đề năm học “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm” gắn kết với việc nâng cao chất lượng thực hiện Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025”.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Triển khai, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục

1.1. Triển khai, thực hiện kịp thời, hiệu quả các văn bản, chính sách về GDMN, bảo đảm các điều kiện để thực hiện Chương trình GDMN.

- Thường xuyên cập nhật kịp thời, thực hiện nghiêm túc quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, triển khai thực hiện đúng, đủ các chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở GDMN theo quy định¹ hiện hành.

- Tiếp tục rà soát, nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật, căn cứ chức năng quản lý nhà nước để xây dựng hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân (UBND) xã, thị trấn ban hành các kế hoạch, chương trình phù hợp với điều kiện, bối cảnh tại địa phương để hoàn thành nhiệm vụ năm học 2023-2024 và đạt mục tiêu của các chương trình, Đề án trong giai đoạn.

- Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện thí điểm Chương trình GDMN mới.

1.2. Đổi mới công tác quản lý.

- Nâng cao tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý theo phân cấp, phân quyền, công khai, dân chủ gắn với cơ chế giám sát và trách nhiệm giải trình; quan tâm, lắng nghe nhu cầu, nguyện vọng, phát huy tinh thần trách nhiệm và sự sáng tạo của CBQL, giáo viên, nhân viên. Các cơ sở GDMN chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình GDMN.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào công tác quản lý và các hoạt động trong cơ sở GDMN. Hồ sơ sổ sách nhà trường và giáo viên thực hiện theo quy định tại Điều lệ trường mầm non hiện hành (Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), nghiêm túc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong cơ sở GDMN².

- Các cơ sở GDMN công lập thực hiện tốt việc thu và quản lý các khoản thu theo đúng quy định. Riêng các cơ sở GDMN ngoài công lập thực hiện các khoản thu theo thỏa thuận với phụ huynh.

1.3. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với cơ sở GDMN.

- Tiếp tục đổi mới công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá của các cấp quản lý giáo dục đối với cơ sở GDMN theo hướng hiệu quả, đề cao vai trò giám sát, tư vấn, hỗ trợ, tránh hình thức gây áp lực cho giáo viên mầm non.

- Công tác kiểm tra, giám sát tập trung vào những nội dung sau: Công tác tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên; đạo đức nhà giáo; thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường; thực hiện quy chế chuyên môn; công tác thu chi tài chính; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; công tác xã hội hóa giáo dục; thực hiện công tác bán trú, vệ sinh an toàn thực phẩm; các điều kiện đảm bảo an toàn trường, lớp học; công tác tham mưu, phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ trẻ và chính quyền địa phương...

¹ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

² Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Ban hành Điều lệ trường mầm non; Chỉ thị số 138/CT-BGDĐT ngày 18/01/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường.

- Chủ động tham mưu UBND xã, thị trấn quản lý hiệu quả các nhóm trẻ, lớp mầm non độc lập tự thực trên địa bàn, kịp thời ngăn chặn và xử lý những trường hợp vi phạm quy định trong tổ chức, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

2. Phát triển hệ thống mạng lưới trường, lớp; tăng cường cơ sở vật chất; nâng cao chất lượng kiểm định và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia

2.1. Các trường công lập rà soát tình hình dân số độ tuổi trẻ em, nghiên cứu, đổi chiều với việc quy hoạch mạng lưới trường, lớp mầm non tại địa phương để tham mưu, đề xuất điều chỉnh, bổ sung quy hoạch mạng lưới trường lớp phù hợp với tình hình thực tiễn góp phần thực hiện hoàn thành mục tiêu phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025 định hướng đến 2030, tầm nhìn đến 2045.

2.2. Khuyến khích, hướng dẫn, tư vấn các tổ chức, cá nhân đầu tư mở rộng mạng lưới cơ sở GDMN ngoài công lập.

2.3. Khai thác hiệu quả nguồn lực từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình Hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030. Các trường thuộc vùng khó khăn (thôn, Bon, Buôn khó khăn) tiếp tục đề xuất phòng GD&ĐT tham mưu UBND huyện đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa và từng bước hiện đại; (trường MN Ea T'ling; MG Ea pô; MG Hoa Hướng Dương; MG Ea pô).

- Tiếp tục cải tạo, nâng cấp trường lớp, CSVC đáp ứng tiêu chuẩn hiện hành, lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn, bảo đảm tỷ lệ 01 phòng học/nhóm trẻ, lớp MN, lớp MG; nâng cao tỷ lệ phòng học kiên cố, thay thế phòng học mượn hội trường thôn (MG Hoa Hướng Dương 2 phòng); mượn phòng chờ của GV trường TH Chu Văn An (MG Cư Knia 1 phòng).

- Bố trí kinh phí và huy động các nguồn lực để mua sắm bổ sung các đồ dùng, đồ chơi, thiết bị, tài liệu, học liệu để thực hiện Chương trình GDMN theo yêu cầu chuẩn hoá và hiện đại (lựa chọn đồ chơi, học liệu, tài liệu sử dụng trong cơ sở GDMN thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1428/SGDĐT-GDTHMN ngày 07/8/2023 của Sở GDĐT).

2.5. Tiếp tục thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm tra công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ I: công nhận mới trường MN Hoa Hồng, MG Đăk Wil; công nhận mới trường MN đạt chuẩn quốc gia mức độ II trường MG Tâm Thắng; công nhận lại MG Họa Mi, MG Đăk D'rông, MG Trúc Sơn; tham mưu kế hoạch phối hợp các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất để bảo đảm các tiêu chí duy trì, nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ GDĐT. Có kế hoạch nâng chuẩn mức độ 2 với những trường mầm non đã đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1 ở nơi có điều kiện.

3. Củng cố, nâng cao chất lượng PCGDMNTNT; chuẩn bị cho thí điểm phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo (3, 4 tuổi) trong thời gian tới

3.1. Rà soát, tham mưu kiện toàn Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục-Xóa mù chữ (PCGD-XMC) các cấp; thực hiện nghiêm túc Nghị định số 20/2014/NĐ-CP và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT. Có các giải pháp để tăng cường các điều kiện đảm bảo duy trì kết quả và nâng cao chất lượng PCGDMNTNT một cách thực chất và bền vững.

3.2. Ban chỉ đạo PCGD-XMC các xã, thị trấn tham mưu cho UBND các huyện, kế hoạch huy động trẻ em phù hợp với định hướng phát triển GDMN và điều kiện của địa phương (căn cứ vào Kết luận số 51-KL/TW, Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021

của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”). Xây dựng kế hoạch chuẩn bị PCGDMN cho trẻ em mẫu giáo (3, 4 tuổi) trong thời gian tới.

3.3. Thực hiện tốt công tác phối hợp điều tra, xử lý, cập nhật số liệu báo cáo theo phân mềm PCGD-XMC bảo đảm đầy đủ, kịp thời, chính xác; tăng cường ứng dụng CNTT trong lưu trữ hồ sơ phổ cập.

4. Nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em

4.1. Chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh; bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ em.

- Các trường MN, MG, nhóm trẻ, lớp MN độc lập sẵn sàng chủ động, linh hoạt các phương án xử lý, điều kiện cần thiết nếu xảy ra tình hình thiên tai, dịch bệnh trong năm học.

- Các trường MN, MG, nhóm trẻ, lớp MN xây dựng kế hoạch thực hiện nghiêm túc quy định³ về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích và phòng, chống bạo hành trẻ em trong trường, nhóm, lớp độc lập từ đầu năm học, nhằm phát hiện sớm và có biện pháp khắc phục kịp thời các yếu tố nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ; cuối năm học tổ chức tự kiểm tra, đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí về an toàn trường học và báo cáo kết quả cùng với báo cáo tổng kết năm học về phòng GD&ĐT để tổng hợp (hồ sơ trường học ATPCTNTT lưu tại trường).

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cho trẻ (báo cáo kịp thời về phòng GD&ĐT việc xảy ra mất an toàn cho trẻ khi ở trường hoặc ở gia đình như: đuối nước, tai nạn giao thông...).

- Xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các đơn vị trường học, nhóm trẻ, lớp MN độc lập và cá nhân để xảy ra mất an toàn đối với trẻ.

4.2. Đổi mới môi trường giáo dục, hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN

4.2.1. Đổi mới môi trường giáo dục

100% các đơn vị trường MN, MG, nhóm trẻ, lớp MN độc lập đảm bảo môi trường giáo dục **sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, không khí trong lành, thân thiện**; bố trí các khu vực cho trẻ trải nghiệm, khám phá trong và ngoài lớp học; Thực hiện đổi mới trang trí, thiết kế không gian lớp học theo mô hình (Stem...) linh hoạt, hiệu quả nhiều mặt, tối ưu hóa hiệu suất sử dụng không gian, tiết kiệm chi phí đầu tư, thời gian và công sức của giáo viên (không cắt dán quá nhiều trên tường, treo quá nhiều vật liệu trang trí). Cần chú trọng các ưu thế bố trí không gian lớp học phù hợp đa dạng với nhiều hình thức học - chơi - khám phá của trẻ em vừa khoa học vừa đảm bảo tính thẩm mỹ, an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ. (Những sản phẩm treo, dán trong lớp học nên để trưng bày kết quả, sản phẩm của trẻ em sau mỗi hoạt động của từng chủ đề). Không yêu cầu giáo viên làm đồ dùng, đồ chơi chỉ để trang trí mà thay bằng các hoạt động hướng dẫn trẻ cùng cô tạo ra các sản phẩm để trang trí lớp học. Sắp đặt môi trường khuyến khích sự tự tin sáng tạo của trẻ. Sử dụng nguyên liệu, vật liệu an toàn, phù hợp với độ tuổi của trẻ, đảm bảo tính giáo dục, tính thẩm mỹ trong môi trường tự nhiên, môi trường xã hội xung quanh trẻ để tổ chức các hoạt động giáo dục. 100% trẻ đến trường được vui chơi, học tập, tham gia trải nghiệm, khám phá thế giới xung quanh,

³ Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN; Nghị định 80/2017/NĐ-CP quy định về môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.

để “mỗi ngày đến trường của trẻ là một ngày vui”. Tuyệt đối không dạy trước chương trình lớp 1 cho trẻ MG (dạy trẻ đọc chữ, viết chữ).

4.2.2. Thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ

- Thực hiện tốt công tác y tế trường học theo quy định, bảo đảm 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới; phối hợp chặt chẽ với ngành Y tế tại địa phương thực hiện tốt các biện pháp theo dõi, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ em trong các cơ sở GDMN.

- Thực hiện nghiêm túc công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em tại cơ sở GDMN⁴: phối hợp chặt chẽ với ngành y tế ở địa phương bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm (ATVSTP) trong các cơ sở GDMN theo quy định; số bữa ăn đáp ứng nhu cầu khuyến nghị, phân bố bữa ăn phù hợp với từng độ tuổi, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, thời gian tổ chức ăn cho trẻ thực hiện theo lịch sinh hoạt hằng ngày bảo đảm đúng quy định tại Chương trình GDMN; công khai thực đơn, xuất ăn hàng ngày của trẻ với phụ huynh, không thực hiện hợp đồng dịch vụ cung cấp suất ăn cho trẻ em tại các cơ sở GDMN. Tăng cường công tác phối hợp thanh tra, kiểm tra nội bộ trường học và sự tham gia giám sát của Ban đại diện cha mẹ trẻ em trong việc bảo đảm chất lượng bữa ăn và ATVSTP, kịp thời chấn chỉnh, xử lý những sai phạm trong công tác nuôi dưỡng trẻ tại các cơ sở GDMN.

- Đẩy mạnh giáo dục kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự phục vụ, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe; lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe, phòng, chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với điều kiện thực tế; phối hợp chế độ dinh dưỡng và vận động phù hợp đối với trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì.

4.2.3. Đổi mới hoạt động giáo dục

- Tập trung các giải pháp thực hiện Chủ đề “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm” phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và chủ động, linh hoạt, sáng tạo gắn kết các tiêu chí của Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, giai đoạn 2021-2025” trong thực hiện Chủ đề. Các đơn vị chủ động tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo trao đổi, chia sẻ, lan tỏa kinh nghiệm, sáng kiến hiệu quả khi thực hiện chuyên đề.

- Giáo viên cần tạo cho trẻ một môi trường để trẻ thấy được sự yêu thương, được hiểu, được tôn trọng, được tin tưởng giúp trẻ chủ động tích cực tham gia hoạt động giáo dục hàng ngày ở cơ sở GDMN; Lựa chọn những nội dung gần gũi, phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ, điều kiện trang thiết bị hiện có giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp tạo ra các cơ hội để trẻ được học, được chơi, được trải nghiệm, khám phá, tìm hiểu môi trường xung quanh để hình thành những kỹ năng, thói quen tốt, giúp trẻ phát triển toàn diện đáp ứng mục tiêu GDMN.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, hỗ trợ của tổ nghiệp vụ cốt cán ở các trường để hướng dẫn cơ sở GDMN nâng cao năng lực phát triển Chương trình GDMN nhà trường trên cơ sở Chương trình do Bộ GDĐT ban hành nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em⁵; phát huy tính chủ động của cơ sở GDMN trong liên kết với các cơ sở giáo dục, các tổ chức, cá nhân và gia đình của trẻ

⁴ Công văn số 423 /BGDĐT-GDMN ngày 07/02/2023 về công tác nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em tại cơ sở GDMN.

⁵ Quy định tại Phần IV, Hướng dẫn thực hiện Chương trình trong Chương trình GDMN do Bộ GDĐT ban hành

em để tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện của địa phương theo quy định của pháp luật⁶:

- Tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên trong phát triển Chương trình GDMN; đặc biệt quan tâm hỗ trợ chuyên môn cho các nhóm trẻ, lớp MN độc lập tự thực trên địa bàn.

- Tổ chức các hoạt động, các hội thi: Phát động phong trào thi đua xây dựng môi trường trong và ngoài lớp học, thi làm đồ dùng dạy học, ngày hội văn hóa các dân tộc, ngày hội dinh dưỡng, bé với Dân ca,... có sự tham gia của các tổ chức, đoàn thể và cha mẹ trẻ. Chú trọng giáo dục bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc tại địa phương, tình yêu quê hương đất nước phù hợp từng lứa tuổi của trẻ thông qua các hoạt động vui chơi, trải nghiệm để xây dựng “dấu ấn” riêng của mỗi cơ sở GDMN.

- Tổ chức Hội thi “Giáo viên dạy giỏi cấp trường” chọn lựa giáo viên xuất sắc tham gia Hội thi “Giáo viên dạy giỏi cấp huyện” năm học 2023 – 2024 (dự kiến tổ chức thi vào tháng 11/2023).

- Tổ chức Hội thi “Bé với dinh dưỡng cấp trường” có sự tham gia của các tổ chức, đoàn thể và cha mẹ trẻ; đăng ký dự thi “Bé với dinh dưỡng cấp huyện” (dự kiến tổ chức thi vào tháng 3/2024).

- Có giải pháp bảo đảm chất lượng giáo dục công bằng, hoà nhập, các cơ sở GDMN tiếp tục triển khai thực hiện giáo dục hòa nhập có chất lượng đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Nâng cao hơn nữa việc truyền thông về giáo dục trẻ khuyết tật, bảo đảm chính sách cho trẻ khuyết tật học hoà nhập.

- Giao trường mầm non Ea T’Ling; trường mẫu giáo Nam Dong; trường mẫu giáo Đăk D’rông đăng ký xây dựng mô hình thực hiện thí điểm việc phối hợp giữa nhà trường với gia đình, đoàn thể, tổ chức xã hội trong năm học 2023 - 2024; các trường còn lại thực hiện đại trà bắt đầu từ năm học 2024-2025 (khuyến khích các trường chưa đăng ký mạnh dạn thực hiện mô hình thí điểm).

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các hoạt động chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi có những phẩm chất, năng lực, kỹ năng nền tảng cần thiết để trẻ sẵn sàng vào học lớp một đáp ứng yêu cầu liên thông với Chương trình lớp Một phổ thông. Tiếp tục triển khai Chương trình “Tôi yêu Việt Nam” trong cơ sở GDMN giai đoạn 2020-2024; đẩy mạnh giáo dục kỹ năng sống xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong các cơ sở GDMN gắn với thực hiện Chiến lược Quốc gia tăng trưởng xanh của Bộ GDĐT.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục quyền con người nhằm tạo sự chuyển biến trong nhận thức của đội ngũ CBQL, giáo viên về tầm quan trọng, ý thức bảo vệ quyền của trẻ em; tôn trọng nhân phẩm, các quyền và tự do của người khác và của trẻ em, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền trẻ em trong các cơ sở GDMN⁷.

⁶ Điều 6. Tổ chức hoạt động giáo dục tại Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/06 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

⁷ Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Đưa nội dung giáo dục Quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân”; Kế hoạch số 668/KH-BGDĐT ngày 25/5/2023 của Bộ GDĐT Triển khai nhiệm vụ Bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non về thực hiện nội dung giáo dục quyền con người trong cơ sở giáo dục mầm non.

- Tiếp tục triển khai giai đoạn 2 Đề án "Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số", chú ý khai thác các yếu tố văn hoá, ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ nhằm hỗ trợ tốt nhất cho sự phát triển của trẻ. Tham mưu chính quyền địa phương huy động cha mẹ trẻ là người dân tộc thiểu số tham gia hỗ trợ giáo viên sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; bố trí, sắp xếp giáo viên phù hợp dạy lớp 100% trẻ là người dân tộc H'mông, Ê đê, M'Nông...(GV song ngữ; người địa phương...); nâng cao chất lượng phát triển ngôn ngữ cho trẻ em mầm non, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người DTTS, giúp trẻ sẵn sàng vào lớp 1. Tổ chức các hoạt động hội thảo/tọa đàm, giao lưu chuyên môn, sinh hoạt cụm trường, tham quan học tập chia sẻ kinh nghiệm ở một số cơ sở GDMN trong địa bàn, ngoài địa bàn hoặc trong, ngoài tỉnh về công tác tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non vùng dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục triển khai, quản lý, đảm bảo chất lượng cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh ở nơi có điều kiện theo quy định tại Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT và các văn bản Bộ GDĐT đã ban hành; Công văn số 1676/SGDĐT-GDTHMN ngày 19/10/2022 về việc Hướng dẫn tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh của Sở Giáo dục và Đào tạo. Triển khai sơ kết 03 năm thực hiện Thông tư về việc thực hiện Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo.

- Tham mưu bố trí kinh phí và chuẩn bị các điều kiện triển khai thực hiện thí điểm Chương trình GDMN mới theo hướng dẫn của Bộ GDĐT⁸ ở một số cơ sở GDMN từ tháng 02/2024.

5. Nâng cao chất lượng, chuẩn hoá đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo. Triển khai thực hiện hiệu quả đầy đủ các nội dung tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho CBQL và GVMN đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, giáo viên bảo đảm chuẩn nghề nghiệp và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Khuyến khích, tạo điều kiện để giáo viên trong các cơ sở GDMN đi học tập nâng trình độ chuẩn theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP và Đề án "Đào tạo Bồi dưỡng nhà giáo và CBQL, GVMN giai đoạn 2018-2025"; tiếp tục thực hiện việc đánh giá đội ngũ CBQL, giáo viên theo quy định. Tổ chức cho giáo viên ở các cơ sở GDMN tham gia tập huấn chuyên môn các cấp và tổ chức bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ CBQL.

- Rà soát số lượng, cơ cấu phân công giáo viên phù hợp giữa GV dạy ở trường chính với GV dạy ở điểm lẻ, nhất là GV dạy tại thôn, Bon, Buôn khó khăn; căn cứ các quy định hiện hành kịp thời tham mưu UBND huyện bố trí bảo đảm tối thiểu 02 GV/lớp.

- Đổi mới, sử dụng các hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn linh hoạt để phát huy năng lực, sở trường, lòng đam mê, sự sáng tạo, tư duy của đội ngũ CBQL và giáo viên trong các cơ sở GDMN; Nâng cao phẩm chất, năng lực trình độ chuyên môn cho giáo viên; Chú trọng các chuyên đề bồi dưỡng về sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; bồi dưỡng năng lực xây dựng kế hoạch giáo dục, tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng

⁸ Bộ GDĐT sẽ có kế hoạch, công văn hướng dẫn cụ thể đối với những tỉnh/TP, cơ sở GDMN thực hiện thí điểm Chương trình GDMN mới.

trẻ; năng lực đánh giá trẻ; năng lực làm chủ cảm xúc trong giao tiếp và ứng xử của CBQL và giáo viên.

- Trang bị các loại tài liệu, học liệu đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt để CBQL, giáo viên học tập, nghiên cứu, tham khảo.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ CBQL và giáo viên được tiếp cận và từng bước áp dụng các mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến; vận dụng phù hợp với điều kiện thực tế tại các cơ sở GDMN để thực hiện Chương trình GDMN.

- Hướng dẫn, tổ chức tập huấn, hỗ trợ chuyên môn đối với chủ cơ sở, giáo viên, nhân viên làm việc trong các nhóm trẻ, lớp MN độc lập tự thực, đặc biệt quan tâm các nhóm trẻ tối đa 7 trẻ trên địa bàn (nếu có); Phòng GD&ĐT giao các trường mầm non công lập tư vấn các điều kiện đảm bảo an toàn và tổ chức hoạt động của các nhóm trẻ, lớp MN độc lập tự thực trên cùng địa bàn, đồng thời đề xuất cấp có thẩm quyền kịp thời kiểm tra, chấn chỉnh, xử lý khi cần thiết.

6. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá và hội nhập

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025.

- Khuyến khích, tư vấn, hướng dẫn các điều kiện đảm bảo thành lập cơ sở GDMN đối với các cá nhân, tổ chức có nhu cầu đầu tư phát triển mạng lưới cơ sở GDMN ngoài công lập.

- Hướng dẫn một số cơ sở GDMN đủ điều kiện nghiên cứu, áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển chương trình trong cơ sở GDMN, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong cơ sở GDMN; đẩy mạnh hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non giữa các cơ sở GDMN trong và ngoài tỉnh.

7. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

- Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025⁹, cụ thể:

- Ứng dụng nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở GDMN. Khai thác hiệu quả môi trường số trở thành thiết yếu trong tổ chức các hoạt động giáo dục đối với cơ sở GDMN.

- Huy động các nguồn lực tham gia để tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong cơ sở GDMN;

- Tạo điều kiện, khuyến khích GV tham gia các khoá tập huấn, bồi dưỡng trên nền tảng số, thiết kế giáo án điện tử, số hoá tài liệu, học liệu và các nội dung giáo dục, cân đối khẩu phần ăn, hướng dẫn hỗ trợ cha mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Phát triển kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung trong cơ sở GDMN.

- Tiếp tục sử dụng hiệu quả phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục đã được trang bị (kiemdinhdaknong.xbot.com.vn) trong công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non. (Hàng năm tất cả báo cáo tự đánh giá và kết quả triển khai thực hiện cải tiến chất lượng được cập nhật trên phần mềm).

⁹ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 /01/ 2022 của Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2022 ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025 của Bộ GDĐT.

- Tham gia tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực số, phát triển kỹ năng số cho đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên trong quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; nâng cao năng lực ứng dụng CNTT, sử dụng được các phần mềm ứng dụng cơ bản; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.

8. Đẩy mạnh công tác truyền thông về GDMN

- Chủ động thông tin, truyền thông về các chủ trương, quy định, chính sách mới của ngành, địa phương, cơ sở GDMN, đặc biệt về Chương trình hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn giai đoạn 2022-2030 (MN Ea Tling; MG Ea pô; MG Đăk Wil; MG Hoa Hương Dương)

- Đẩy mạnh truyền thông về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong cơ sở GDMN; lồng ghép các hình thức và phương tiện truyền thông đảm bảo hiệu quả, phù hợp, có sức lan toả sâu rộng nhằm thúc đẩy công tác phối hợp giữa cơ sở GDMN với gia đình và đoàn thể, tổ chức xã hội cùng chăm lo phát triển GDMN.

- Truyền thông về việc đổi mới Chương trình GDMN, vai trò của giáo dục mầm non đối với sự phát triển toàn diện của trẻ, mục tiêu kế hoạch phát triển giáo dục mầm non đến 2025 và định hướng đến 2030.

9. Công tác báo cáo.

Các trường MN, MG trong huyện thực hiện nghiêm túc, có chất lượng về nội dung, tính chính xác của số liệu, đúng thời hạn quy định các báo cáo định kỳ, chương trình, chuyên đề, đột xuất... Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ đầu năm học và kết quả thực hiện nhiệm vụ cuối năm học gửi về Phòng GD&ĐT huyện (*theo đề cương và phụ lục đính kèm*).

Trên đây là Kế hoạch hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2023 – 2024 đối với giáo dục mầm non. Phòng GD&ĐT huyện yêu cầu các trường MN, MG, các nhóm trẻ, lớp MN độc lập tự thực trên địa bàn huyện, căn cứ để xây dựng kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị mình và thực hiện kế hoạch có hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học sẽ có những bổ sung, sửa đổi để phù hợp với các điều kiện của bậc học mầm non./.

Nơi nhận:

- Như trên (t/h);
- UBND huyện (b/c);
- Sở GD&ĐT (b/c);
- TP, PTP; (c/đ);
- Lưu: VT, CMMN.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Phạm Thị Thắm

**LỊCH NỘP BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH GIÁO DỤC MẦM NON
NĂM HỌC 2023-2024**

(Kèm theo công văn /PGDDT-GDMN ngày / 9 /2023 của Phòng GDĐT)

| TT | Kỳ báo cáo | Thời gian nộp | Báo cáo cần nộp | Hình thức báo cáo |
|----|--------------------------|--------------------------|--|--|
| 1 | Báo cáo đầu năm học | Chậm nhất ngày 2/11/2023 | <p>1. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non đầu năm học 2022-2023 (theo đề cương gửi kèm).</p> <p>2. Biểu thống kê giáo dục mầm non kỳ đầu năm học (EMIS). Trích xuất trên phần mềm CSDL ngành, đã được kiểm tra, rà soát.</p> | <p>Các trường MN, MG báo cáo về phòng GDĐT qua:</p> <p>1. Bản mềm qua Gmail phamtham.pgd.cj@gmail.com</p> <p>2. Bản cứng nộp trực tiếp</p> |
| 2 | Báo cáo tổng kết năm học | Chậm nhất ngày 03/6/2024 | <p>1. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo văn bản Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 đối với GDMN.</p> <p>2. Biểu mẫu thống kê số liệu về Giáo dục Mầm non kỳ cuối năm học (EMIS).</p> | |

Phụ lục 1

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC MẦM NON
ĐẦU NĂM HỌC 2023-2024**

(Kèm theo công văn /PGDDĐT-GDMN ngày / / 2023 của phòng GDĐT)

1. Các văn bản đã triển khai đầu năm học đến thời điểm báo cáo.

2. Quy mô trường, lớp, trẻ em, đội ngũ, cơ sở vật chất

*** Lưu ý:**

Đơn vị nộp kèm biểu thống kê Emis đầu năm học (trích xuất trên cơ sở dữ liệu ngành, đã kiểm tra, rà soát, chỉnh sửa số liệu). Cách thức thống kê theo hướng dẫn tại Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.

Riêng nhóm/lớp ĐLTT chưa được cấp phép đề nghị không thống kê số lượng trẻ, đội ngũ, CSVC.

Đối với cơ sở ĐLTT (đã được cấp phép): Thống kê đầy đủ các mục.

3. Kinh phí (Tính nguồn kinh phí đầu tư được đưa vào sử dụng trong năm học mới)

Đơn vị báo cáo kết quả đầu tư về kinh phí để đầu tư xây dựng CSVC, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho năm học mới 2023-2024:

- Bảng nguồn ngân sách nhà nước (Có bảng thống kê kinh phí đầu tư đối với từng trường mầm non Công lập trong đó: Số phòng xây dựng mới (kinh phí), số phòng được tu sửa (kinh phí), số trang thiết bị được đầu tư (kinh phí);

- Nguồn kinh phí được các tổ chức cá nhân tài trợ;

- Nguồn kinh phí huy động từ cha mẹ trẻ.

4. Khó khăn, vướng mắc

.....

5. Kiến nghị, đề xuất và danh sách cá nhân, tập thể đăng ký thi đua cấp tỉnh, BGDĐT trong năm học 2023-2024.

Phụ lục 2

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC MẦM NON
CUỐI NĂM HỌC 2023-2024**

(Kèm theo công văn /PGDDĐT-GDMN ngày / / 2023 của phòng GDĐT)

1. Các văn bản, kế hoạch, chương trình đã tham mưu UBND huyện, thành phố và các văn bản triển khai nhiệm vụ đến các cơ sở GDMN trên địa bàn để thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024.

2. Quy mô trường, lớp, trẻ em, đội ngũ, cơ sở vật chất. Kết quả xây dựng trường đạt chuẩn trong năm học

(tăng, giảm so với đầu năm học. Nguyên nhân, lý do tăng, giảm)

*** Lưu ý:**

Đơn vị nộp kèm biểu thống kê Emis cuối năm học (trích xuất trên cơ sở dữ liệu ngành, đã kiểm tra, rà soát, chỉnh sửa số liệu). Cách thức thống kê theo hướng dẫn tại Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.

Riêng nhóm/lớp ĐLTT chưa được cấp phép đề nghị không thống kê số lượng trẻ, đội ngũ, CSVC.

Đối với cơ sở ĐLTT (đã được cấp phép): Thống kê đầy đủ các mục.

3. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp từng độ tuổi. Dự kiến tỷ lệ huy động năm học tới . Chất lượng chăm sóc giáo dục.....

4. Các hoạt động nổi bật trong năm học. Đề xuất cá nhân, tập thể khen thưởng cấp tỉnh và Bộ Giáo dục khen.

5. Kinh phí

Đơn vị báo cáo kết quả đầu tư về kinh phí để đầu tư xây dựng CSVC, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho năm học 2023-2024:

- Bảng nguồn ngân sách nhà nước (Có bảng thống kê kinh phí đầu tư đối với từng trường mầm non Công lập trong đó: Số phòng xây dựng mới (kinh phí), số phòng được tu sửa (kinh phí), số trang thiết bị được đầu tư (kinh phí);

- Nguồn kinh phí được các tổ chức cá nhân tài trợ;

- Nguồn kinh phí huy động từ cha mẹ trẻ.

- Kinh phí chi cho hoạt động chuyên môn (kinh phí chi tập huấn, tổ chức các hoạt động giao lưu, tọa đàm, Hội nghị...)

- Kinh phí thực hiện chi trả các chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở GDMN theo NĐ 105 và các chính sách hiện hành.

6. Khó khăn, vướng mắc

.....

7. Kiến nghị, đề xuất

UBND HUYỆN,

TRƯỜNG

THỐNG KÊ SỐ LIỆU GIÁO DỤC MẦM NON NĂM HỌC 2023-2024

(Mẫu thống kê số liệu kèm theo Công văn số /PGDDĐT-GDMN, ngày/2023 về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDMN năm học 2023-2024)

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Số lượng |
|------------|--|---------------|----------|
| I | Cơ sở giáo dục mầm non | | |
| 1.1 | Trường | trường | 0 |
| | Nhà trẻ | trường | |
| | Trường mẫu giáo | trường | |
| | Trường mầm non | trường | |
| | Trường công lập (bao gồm: nhà trẻ, trường MG, Trường MN) | trường | |
| | Trường đạt chuẩn quốc gia | trường | 0 |
| | Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 | trường | |
| | Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 | trường | |
| | Số trường đạt chuẩn quốc gia công nhận mới trong năm học 2023-2024 | trường | |
| | Số trường hoàn thành công tác tự đánh giá trong năm học 2023-2024 | trường | |
| | Số trường đăng ký đánh giá ngoài trong năm học 2023-2024 | trường | |
| | Số trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục | trường | |
| | Số trường thực hiện Chương trình tích hợp | trường | |
| | Số trường tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh | trường | |
| | Số trường được công nhận trường học an toàn PCTNTT theo Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT | trường | |
| | Số trường công lập (bao gồm: nhà trẻ, trường MG, Trường MN) ở địa bàn (cấp huyện) có KCN | trường | |
| | Số trường dân lập, tư thục (bao gồm: nhà trẻ, trường MG, Trường MN) ở địa bàn (cấp huyện) có KCN | trường | |
| | Tổng số điểm trường (bao gồm cả điểm chính và điểm lẻ) | điểm | |
| | Số điểm trường lẻ | điểm | |
| 1.2 | Cơ sở GDMN độc lập (nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập) | | |
| | Tổng số | cơ sở | 0 |
| | Cơ sở GDMN độc lập đã cấp phép | cơ sở | |
| | Cơ sở GDMN độc lập (đang hoạt động) chưa cấp phép | cơ sở | |
| | Nhóm trẻ độc lập quy mô tối đa 07 trẻ | cơ sở | |
| | Nhóm trẻ độc lập quy mô trên 07 trẻ | cơ sở | |
| | Lớp mẫu giáo độc lập | cơ sở | |

| | | | |
|--------------|---|------------------|----------|
| | Lớp mầm non độc lập | cơ sở | |
| | Cơ sở GDMN độc lập có số tổng số trẻ vượt quá quy định | cơ sở | |
| | Số cơ sở GDMN độc lập thực hiện Chương trình tích hợp | cơ sở | |
| | Số cơ sở GDMN độc lập tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh | cơ sở | |
| | Số cơ sở GDMN độc lập được công nhận trường học an toàn PCTNTT theo Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT | cơ sở | |
| | Số cơ sở GDMN độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn (cấp huyện) có KCN | cơ sở | |
| | Số cơ sở GDMN độc lập dân lập, tư thục được hỗ trợ cơ sở vật chất (Quy định tại Điều 5 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP) | cơ sở | |
| II. | Tổng số nhóm, lớp | nhóm, lớp | 0 |
| | Tổng số nhóm, lớp công lập | nhóm, lớp | |
| 2.1. | Tổng số nhóm, lớp trong trường | nhóm, lớp | 0 |
| | Nhóm trẻ | nhóm | |
| | Lớp mẫu giáo | lớp | |
| 2.2. | Tổng số nhóm, lớp bên trong nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập | nhóm, lớp | 0 |
| | Số nhóm trẻ | nhóm | |
| | Số Nhóm trẻ ghép | nhóm | |
| | Số lớp mẫu giáo | lớp | |
| | Số lớp mẫu giáo ghép | lớp | |
| | Số lớp mầm non ghép | lớp | |
| III. | Thống kê về trẻ em | | |
| 3.1 | Trẻ em nhà trẻ trong độ tuổi | trẻ | |
| | Trẻ em nhà trẻ đến cơ sở giáo dục mầm non (bao gồm trường và cơ sở GDMN độc lập) | trẻ | 0 |
| | Trẻ em nhà trẻ được học 2 buổi/ngày | trẻ | 0 |
| | Trẻ em nhà trẻ được ăn bán trú | trẻ | 0 |
| | Trẻ em nhà trẻ khuyết tật | trẻ | 0 |
| | Trẻ em nhà trẻ khuyết tật được hòa nhập | trẻ | 0 |
| | Trẻ em nhà trẻ công lập | trẻ | |
| 3.1.1 | Trẻ em nhà trẻ trong nhà trường | trẻ | |
| | Trẻ em nhà trẻ được học 2 buổi/ngày | trẻ | |
| | Trẻ em nhà trẻ được ăn bán trú | trẻ | |
| | Trẻ em nhà trẻ khuyết tật | trẻ | |
| | Trẻ em nhà trẻ khuyết tật được hòa nhập | trẻ | |
| 3.1.2 | Trẻ em nhà trẻ trong cơ sở GDMN độc lập | trẻ | |

| | | | |
|---------------|---|-----|---|
| | Trẻ em nhà trẻ được học 2buổi/ngày | trẻ | |
| | Trẻ em nhà trẻ được ăn bán trú | trẻ | |
| | Trẻ em nhà trẻ khuyết tật | trẻ | |
| | Trẻ em nhà trẻ khuyết tật được hòa nhập | trẻ | |
| 3.2 | Trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi | | |
| | Trẻ em mẫu giáo đến trường, lớp | trẻ | 0 |
| | Trẻ em mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh | trẻ | 0 |
| | Trẻ em mẫu giáo được học 2buổi/ngày | trẻ | 0 |
| | Trẻ em mẫu giáo được ăn bán trú | trẻ | 0 |
| | Trẻ em mẫu giáo khuyết tật | trẻ | 0 |
| | Trẻ em mẫu giáo khuyết tật được hòa nhập | trẻ | 0 |
| | Trẻ em mẫu giáo công lập | trẻ | |
| 3.2.1. | Trẻ em mẫu giáo trong trường | trẻ | |
| | Trẻ em mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh | trẻ | |
| | Trẻ em mẫu giáo được học 2buổi/ngày | trẻ | |
| | Trẻ em mẫu giáo được ăn bán trú | trẻ | |
| | Trẻ em mẫu giáo khuyết tật | trẻ | |
| | Trẻ em mẫu giáo khuyết tật được hòa nhập | trẻ | |
| 3.2.2. | Trẻ em mẫu giáo trong cơ sở GDMN độc lập | trẻ | |
| | Trẻ em mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh | trẻ | |
| | Trẻ em mẫu giáo được học 2buổi/ngày | trẻ | |
| | Trẻ em mẫu giáo được ăn bán trú | trẻ | |
| | Trẻ em mẫu giáo khuyết tật | trẻ | |
| | Trẻ em mẫu giáo khuyết tật được hòa nhập | trẻ | |
| 3.3 | Thống kê về trẻ em 5 - 6 tuổi | | |
| | Trẻ em 5 - 6 tuổi trong độ tuổi | trẻ | |
| | Trẻ em 5 - 6 tuổi đến trường, lớp | trẻ | 0 |
| | Trẻ em 5 - 6 tuổi được học 2buổi/ngày | trẻ | 0 |
| | Trẻ em 5 - 6 tuổi được ăn bán trú | trẻ | 0 |
| | Trẻ em 5 - 6 tuổi công lập | trẻ | |
| 3.3.1 | Trẻ em 5 - 6 tuổi trong trường | trẻ | |
| | Trẻ em 5 - 6 tuổi được học 2buổi/ngày | trẻ | |
| | Trẻ em 5 - 6 tuổi được ăn bán trú | trẻ | |
| 3.3.2 | Trẻ em 5 - 6 tuổi trong cơ sở GDMN độc lập | trẻ | |
| | Trẻ em 5 - 6 tuổi được học 2buổi/ngày | trẻ | |
| | Trẻ em 5 - 6 tuổi được ăn bán trú | trẻ | |

| | | | |
|--------------|---|-------|----------|
| 3.4 | Trẻ em nhà trẻ được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng | trẻ | |
| | Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân | trẻ | 0 |
| | Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi | trẻ | 0 |
| | Trẻ thừa cân, béo phì | trẻ | 0 |
| 3.4.1 | Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân trong trường | trẻ | |
| | Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi trong trường | trẻ | |
| | Trẻ thừa cân, béo phì trong trường | trẻ | |
| 3.4.2 | Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân trong CSGDMN độc lập | trẻ | |
| | Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi trong CSGDMN độc lập | trẻ | |
| | Trẻ thừa cân, béo phì trong CSGDMN độc lập | trẻ | |
| 3.5 | Trẻ em mẫu giáo được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng | trẻ | |
| | Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân | trẻ | 0 |
| | Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi | trẻ | 0 |
| | Trẻ thừa cân, béo phì | trẻ | 0 |
| 3.5.1 | Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân trong trường | trẻ | |
| | Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi trong trường | trẻ | |
| | Trẻ thừa cân, béo phì trong trường | trẻ | |
| 3.5.2 | Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân trong CSGDMN độc lập | trẻ | |
| | Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi trong CSGDMN độc lập | trẻ | |
| | Trẻ thừa cân, béo phì trong CSGDMN độc lập | trẻ | |
| 3.5.3 | Trẻ em được hưởng chính sách | | |
| | Trẻ em mẫu giáo được hưởng chính sách hỗ trợ ăn trưa (Quy định tại Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP) | trẻ | |
| | Trẻ em mầm non được hưởng chính sách trợ cấp đối với con công nhân KCN (Quy định tại Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và áp dụng theo Nghị quyết HĐND tỉnh) | trẻ | |
| IV. | Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên | người | 0 |
| | Tổng số cán bộ quản lý | người | |
| | Số cán bộ quản lý đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên | người | |
| | Số cán bộ quản lý có trình độ đào tạo trên chuẩn | người | |
| | Tổng số giáo viên | người | 0 |
| | Số giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên | người | 0 |
| | Số giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn | người | 0 |
| | Tổng số nhân viên | người | |
| | Tổng số cán bộ quản lý trong biên chế | người | |

| | | | |
|--------------|--|-------|----------|
| | Tổng số giáo viên trong biên chế | người | |
| | Tổng số cán bộ quản lý công lập | người | |
| | Tổng số giáo viên công lập | người | |
| | Tổng số nhân viên công lập | người | |
| | Tổng số giáo viên dân lập, tự thực được hưởng chính sách KCN (Quy định tại Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và áp dụng theo Nghị quyết HĐND tỉnh) | người | |
| 4.1 | Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong trường | người | 0 |
| 4.1.1 | Cán bộ quản lý | người | 0 |
| a | Hiệu trưởng | người | 0 |
| | Hiệu trưởng nhà trẻ | người | |
| | Hiệu trưởng mẫu giáo, mầm non | người | |
| b | Phó Hiệu trưởng | người | 0 |
| | Phó Hiệu trưởng nhà trẻ | người | |
| | Phó Hiệu trưởng mẫu giáo, mầm non | người | |
| 4.1.2 | Giáo viên | người | 0 |
| a | Tổng số giáo viên nhà trẻ | người | |
| | Số giáo viên nhà trẻ đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên | người | |
| | Số giáo viên nhà trẻ có trình độ đào tạo trên chuẩn | người | |
| b | Giáo viên mẫu giáo | người | |
| | Số giáo viên mẫu giáo đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên | người | |
| | Số giáo viên mẫu giáo có trình độ đào tạo trên chuẩn | người | |
| 4.1.3 | Nhân viên | người | 0 |
| a | Nhân viên nhà trẻ | người | |
| b | Nhân viên mẫu giáo, mầm non | người | |
| 4.2 | Tổng số nhân sự trong các nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập | người | 0 |
| 4.2.1 | Chủ cơ sở | người | 0 |
| a | Trung học phổ thông trở lên | người | |
| b | Dưới trung học phổ thông | người | |
| 4.2.2 | Quản lý chuyên môn | người | 0 |
| a | Cao đẳng sư phạm mầm non trở lên | người | |
| b | Dưới cao đẳng sư phạm mầm non | người | |
| 4.2.3 | Giáo viên | người | 0 |
| a | Đại học sư phạm mầm non trở lên | người | |
| b | Cao đẳng sư phạm mầm non | người | |
| c | Trung cấp sư phạm mầm non | người | |
| d | Dưới trung cấp | người | |
| 4.2.4 | Nhân viên | người | 0 |

| | | | |
|--------------|--|--------------|----------|
| a | Có văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn | người | |
| b | Chưa có văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn | người | |
| 4.2.5 | Người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ | người | 0 |
| a | Đại học sư phạm mầm non trở lên | người | |
| b | Cao đẳng sư phạm mầm non | người | |
| c | Trung cấp sư phạm mầm non | người | |
| d | Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm mầm non | người | |
| e | Chưa có văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn | người | |
| V. | Tổng số phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em | phòng | 0 |
| | Phòng kiên cố | phòng | 0 |
| | Phòng bán kiên cố | phòng | 0 |
| | Phòng tạm | phòng | 0 |
| | Phòng nhờ, mượn | phòng | |
| | Tổng số phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em có khu vệ sinh khép kín | phòng | 0 |
| | Tổng số phòng công lập (bao gồm phòng kiên cố, bán kiên cố, tạm) | phòng | |
| 5.1 | Phòng kiên cố trong trường | phòng | |
| | Phòng bán kiên cố trong trường | phòng | |
| | Phòng học tạm trong trường | phòng | |
| | Số phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em có khu vệ sinh khép kín | phòng | |
| 5.2 | Phòng kiên cố trong CSGDMN độc lập | phòng | |
| | Phòng bán kiên cố trong CSGDMN độc lập | phòng | |
| | Phòng tạm trong CSGDMN độc lập | phòng | |
| | Số phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em có khu vệ sinh khép kín | phòng | |
| 5.3 | Tổng số phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật | phòng | 0 |
| | Tổng số phòng đa năng | phòng | |
| | Tổng số phòng giáo dục thể chất | phòng | |
| | Tổng số phòng giáo dục nghệ thuật | phòng | |
| 5.4 | Khối phòng tổ chức ăn | | 0 |
| | Tổng số nhà bếp | nhà bếp | |
| | Tổng số kho bếp | kho bếp | |
| 5.5 | Tổng số trường có khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên | trường | |
| | Tổng số điểm trường có khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên | điểm | |
| 5.6 | Tổng số trường có sân chơi | trường | |
| | Số trường có sân chơi riêng (lắp đặt các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định) | trường | |
| | Tổng số điểm trường có sân chơi | điểm | |

| | | | |
|-------------|---|----------|--|
| | Số điểm trường có sân chơi riêng (lắp đặt các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định) | điểm | |
| | Tổng số điểm trường có sân chơi | điểm | |
| | Số trường có thiết bị, đồ chơi ngoài trời tối thiểu theo quy định | trường | |
| | Số nhóm, lớp có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định | nhóm,lớp | |
| VI. | Cơ sở vật chất trong CSGDMN độc lập | | |
| 6.1 | Có vị trí đặt cơ sở theo quy định | cơ sở | |
| 6.2 | Có hạng mục công trình theo quy định | cơ sở | |
| 6.3 | Có phòng NDCSGD trẻ em theo quy định | cơ sở | |
| 6.4 | Có phòng vệ sinh cho trẻ em theo quy định | cơ sở | |
| 6.5 | Có chỗ chơi hoặc sân chơi cho trẻ em theo quy định | cơ sở | |
| 6.6 | Có phòng vệ sinh cho giáo viên, nhân viên theo quy định | cơ sở | |
| 6.7 | Có chấn song cửa sổ, lan can cầu thang, các thiết bị điện theo quy định | cơ sở | |
| 6.8 | Có nước uống và nước sinh hoạt hàng ngày theo quy định | cơ sở | |
| 6.9 | Có đồ dùng, đồ chơi, thiết bị theo quy định | cơ sở | |
| VII. | Tổng số đơn vị cấp xã | xã | |
| | Số đơn vị cấp xã đạt chuẩn PCGDMNT5T | xã | |
| | Tổng số đơn vị cấp huyện | huyện | |
| | Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn PCGDMNT5T | huyện | |
| | Số đơn vị cấp huyện có KCN | huyện | |

Lưu ý: Chỉ nhập số liệu vào ô trống, những ô đã có số "0" thì không nhập số (vì đã đặt hàm), không tự ý thêm bớt dòng, cột. Mọi vướng mắc trong thống kê số liệu, xin liên hệ qua số máy: (đồng chí Nguyễn Thị Mơ).

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)